TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH
KHOA DƯỢC

Số: 107/KH-NTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2016

THÔNG BÁO

V/v hủy các lớp học phần không đủ sĩ số lớp học lại học kỳ III năm học 2015-2016

- *Căn cứ theo thông báo Số* 107/KH-NTT *ngày 01/03/2016 về việc đăng ký học lại học kỳ 3/2015-2016 của Khoa Dược.*
- *Căn cứ theo số lượng sinh viên đăng ký thực tế vào các lớp học phần trong đợt học lại học kì 3 năm 2015-2016 của sinh viên khoa Dược.*

Do số lượng sinh viên đăng ký không đủ theo quy định, nay Khoa Dược thông báo hủy lớp học phần tín chỉ, cụ thể như sau:

STT	Mã lớp học phần	Tên môn học	Lớp dự kiến	Qui định
1	020100006119	Bào chế - Thực hành	14CDS06	0->25
2	020100006120	Bào chế - Thực hành	14CDS07	0->25
3	020100006123	Bào chế - Thực hành	14CDS10	0->25
4	020100006124	Bào chế - Thực hành	14CDS11	0->25
5	020100006125	Bào chế - Thực hành	14CDS12	0->25
6	020100006132	Bào chế - Thực hành	14CDS06	0->25
7	020100006133	Bào chế - Thực hành	14CDS07	0->25
8	020100006139	Bào chế - Thực hành	14CDS13	0->25
9	020100006140	Bào chế - Thực hành	14CDS01	0->25
10	020100006143	Bào chế - Thực hành	14CDS04	0->25
11	020100006145	Bào chế - Thực hành	14CDS06	0->25
12	020100006146	Bào chế - Thực hành	14CDS07	0->25
13	020100006147	Bào chế - Thực hành	14CDS08	0->25
14	020100006149	Bào chế - Thực hành	14CDS10	0->25
15	020100006150	Bào chế - Thực hành	14CDS11	0->25
16	020100006151	Bào chế - Thực hành	14CDS12	0->25
17	020100006152	Bào chế - Thực hành	14CDS13	0->25
18	020100007606	Bệnh học	14CDS06	30->100
19	010107097306	Dược động học	13DDS06	30->120
20	020100055611	Dược liệu -Thực hành	14CDS11	0->25
21	020100055612	Dược liệu -Thực hành	14CDS12	0->25
22	020100055619	Dược liệu -Thực hành	14CDS06	0->25
23	020100055623	Dược liệu -Thực hành	14CDS10	0->25
24	020100055624	Dược liệu -Thực hành	14CDS11	0->25
25	020100055625	Dược liệu -Thực hành	14CDS12	0->25
26	020100055630	Dược liệu -Thực hành	14CDS04	0->25
27	020100055631	Dược liệu -Thực hành	14CDS05	0->25
28	020100055638	Dược liệu -Thực hành	14CDS12	0->25
29	020100055639	Dược liệu -Thực hành	14CDS13	0->25
30	020100055640	Dược liệu -Thực hành	14CDS01	0->25

31	020100055642	Dược liệu -Thực hành	14CDS03	0->25
32	020100055643	Dược liệu -Thực hành	14CDS04	0->25
33	020100055644	Dược liệu -Thực hành	14CDS05	0->25
34	020100055645	Dược liệu -Thực hành	14CDS06	0->25
35	020100055646	Dược liệu -Thực hành	14CDS07	0->25
36	020100055649	Dược liệu -Thực hành	14CDS10	0->25
37	020100055650	Dược liệu -Thực hành	14CDS11	0->25
38	020100055651	Dược liệu -Thực hành	14CDS12	0->25
39	020100055652	Dược liệu -Thực hành	14CDS13	0->25
40	011700013908	Giải phẫu - Dược	15DDS4C	30->100
41	011700013915	Giải phẫu - Dược	15DDS3D	30->100
42	020100057415	Giải phẫu sinh lý - Dược - Thực hành	15CDS3A	0->25
43	020100057416	Giải phẫu sinh lý - Dược - Thực hành	15CDS3A	0->25
44	020100057417	Giải phẫu sinh lý - Dược - Thực hành	15CDS2C	0->25
45	020100064715	Hóa dược - Thực hành	14CDS02	0->25
46	020100064720	Hóa dược - Thực hành	14CDS07	0->25
47	020100064722	Hóa dược - Thực hành	14CDS09	0->25
48	020100064723	Hóa dược - Thực hành	14CDS10	0->25
49	020100064730	Hóa dược - Thực hành	14CDS04	0->25
50	020100064734	Hóa dược - Thực hành	14CDS08	0->25
51	020100064739	Hóa dược - Thực hành	14CDS13	0->25
52	020100064740	Hóa dược - Thực hành	14CDS01	0->25
53	020100064741	Hóa dược - Thực hành	14CDS02	0->25
54	020100064742	Hóa dược - Thực hành	14CDS03	0->25
55	020100064743	Hóa dược - Thực hành	14CDS04	0->25
56	020100064744	Hóa dược - Thực hành	14CDS05	0->25
57	020100064745	Hóa dược - Thực hành	14CDS06	0->25
58	020100064746	Hóa dược - Thực hành	14CDS07	0->25
59	020100064747	Hóa dược - Thực hành	14CDS08	0->25
60	020100064748	Hóa dược - Thực hành	14CDS09	0->25
61	020100064749	Hóa dược - Thực hành	14CDS10	0->25
62	020100064750	Hóa dược - Thực hành	14CDS11	0->25
63	020100064751	Hóa dược - Thực hành	14CDS12	0->25
64	020100064752	Hóa dược - Thực hành	14CDS13	0->25
65	010207214206	Hoá lý dược	14DDS.TCLT01	30->100
66	011907220906	Hoá lý dược - Thực hành	15DDS.CDLT1A	0->25
67	011907220908	Hoá lý dược - Thực hành	15DDS.CDLT2B	0->25
68	010207214309	Hoá phân tích - Thực hành	14DDS.TCLT02	0->25
69	010207214317	Hoá phân tích - Thực hành	14DDS.TCLT06	0->25
70	010207214318	Hoá phân tích - Thực hành	14DDS.TCLT07	0->25
71	010207214320	Hoá phân tích - Thực hành	14DDS.TCLT03	0->25
72	010207214321	Hoá phân tích - Thực hành	14DDS.TCLT03	0->25
73	010207214322	Hoá phân tích - Thực hành	14DDS.TCLT05	0->25
74	010107096510	Hóa phân tích 1	14DDS11	30->100
75	010107096511	Hóa phân tích 1	14DDS10	30->100
76	011907221006	Hoá phân tích -Thực hành	15DDS.CDLT2B	0->25
77	011907221007	Hoá phân tích -Thực hành	15DDS.CDLT1A	0->25
78	011907221008	Hoá phân tích -Thực hành	15DDS.CDLT2B	0->25
79	010103200608	Hóa sinh - Dược	14DDS14	30->100
80	011907221106	Hoá sinh - Dược - Thực hành	15DDS.CDLT2B	0->25

81	011907221107	Hoá sinh - Dược - Thực hành	15DDS.CDLT1A	0->25
82	011907221108	Hoá sinh - Dược - Thực hành	15DDS.CDLT2B	0->25
83	012007213707	Hoá vô cơ - Thực hành	15DDS.TCLT2A	0->25
84	012007213710	Hoá vô cơ - Thực hành	15DDS.TCLT2A	0->25
85	012007213712	Hoá vô cơ - Thực hành	15DDS.TCLT3D	0->25
86	010207215308	Ký sinh trùng - Dược - Thực hành	14DDS.TCLT02	0->25
87	010207215319	Ký sinh trùng - Dược - Thực hành	14DDS.TCLT05	0->25
88	010207215321	Ký sinh trùng - Dược - Thực hành	14DDS.TCLT07	0->25
89	010207215322	Ký sinh trùng - Dược - Thực hành	14DDS.TCLT03	0->25
90	010207215324	Ký sinh trùng - Dược - Thực hành	14DDS.TCLT04	0->25
91	010207215325	Ký sinh trùng - Dược - Thực hành	14DDS.TCLT03	0->25
92	020100129301	Pháp luật - Tổ chức quản lý dược	14CDS01	30->100
93	010207214601	Sinh lý - Dược - Thực hành	14DDS.TCLT09	0->25
94	011707096057	Thực hành dược khoa 1	15DDS4A	0->25
95	011707096064	Thực hành dược khoa 1	15DDS6B	0->25
96	011707096069	Thực hành dược khoa 1	15DDS7D	0->25
97	011707096073	Thực hành dược khoa 1	15DDS2B	0->25
98	011707096079	Thực hành dược khoa 1	15DDS3D	0->25
99	011707096080	Thực hành dược khoa 1	15DDS4A	0->25
100	011707096086	Thực hành dược khoa 1	15DDS6A	0->25
101	011707096092	Thực hành dược khoa 1	15DDS7D	0->25
102	012107096008	Thực hành dược khoa 1	15DDS1D	0->25
103	012107096011	Thực hành dược khoa 1	15DDS1D	0->25
104	010100169801	Thực vật dược - Thực hành	14DDS20	0->25
105	010100169821	Thực vật dược - Thực hành	14DDS20	0->25
106	010100169827	Thực vật dược - Thực hành	14DDS13	0->25
107	010100169833	Thực vật dược - Thực hành	14DDS04	0->25
108	010100169847	Thực vật dược - Thực hành	14DDS04	0->25
109	010100169848	Thực vật dược - Thực hành	14DDS04	0->25
110	010100169864	Thực vật dược - Thực hành	14DDS12	0->25
111	010100169865	Thực vật dược - Thực hành	14DDS13	0->25
112	010100169866	Thực vật dược - Thực hành	14DDS13	0->25
113	010100169878	Thực vật dược - Thực hành	14DDS19	0->25
114	010100169879	Thực vật dược - Thực hành	14DDS20	0->25
115	010100169880	Thực vật dược - Thực hành	14DDS20	0->25
116	020100003206	Tiếng Anh chuyên ngành 1	14CDS06	30->100
117	010107096401	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS20	0->25
118	010107096415	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS06	0->25
119	010107096421	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS20	0->25
120	010107096423	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS18	0->25
121	010107096432	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS03	0->25
122	010107096435	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS06	0->25
123	010107096445	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS03	0->25
124	010107096446	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS03	0->25
125	010107096451	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS06	0->25
126	010107096452	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS06	0->25
127	010107096462	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS11	0->25
128	010107096466	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS13	0->25
129	010107096475	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS18	0->25
130	010107096476	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS18	0->25
131	010107096479	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS20	0->25
132	010107096480	Vi sinh - Dược - Thực hành	14DDS20	0->25
133	012007214010	Vi sinh - Dược - Thực hành	15DDS.TCLT3D	0->25
134	012007214011	Vi sinh - Dược - Thực hành	15DDS.TCLT2A	0->25

Nơi nhận:
- Thông báo trên trang thông tin điện tử;
- Phòng Đào Tạo;
- Lưu: Khoa Dược.

Khoa Dược

Th.s Nguyễn Thanh Nghĩa